

Bản án số:15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-3-2024

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hà.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Quyên - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Lữ Ngọc M Châu** -Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 612/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023, về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng D** – sinh năm: 1982 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Cao Văn M** - sinh năm: 1979 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng D có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 05/12/2023 chị Nguyễn Thị Hồng D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Cao Văn M do mai mối rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm. Sau ngày cưới vợ chồng chị sống chung gia đình cha mẹ ruột của anh M. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 13 năm đến tháng 10 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do anh M thường hay đánh chị không tôn trọng chị, anh M không quan tâm đến chị, vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh M đã không còn sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh M.

- Về con chung: Chị và anh M có hai con chung tên Cao Thị Phương L, sinh ngày 11/5/2011 và Cao Văn Chí L, sinh ngày 30/11/2012. Hiện nay cháu Phương L đang sống chung với anh M, riêng cháu Chí L đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao cháu Phương L cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Chí L, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Cao Văn M có đơn xin vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 04/01/2024 anh Cao Văn M trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị D. Nay với yêu cầu xin ly hôn của chị D thì anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị D có hai con chung tên Cao Thị Phương L, sinh ngày 11/5/2011 và Cao Văn Chí L, sinh ngày 30/11/2012. Hiện nay cháu Phương L đang sống chung với anh, riêng cháu Chí L đang sống chung với chị D. Sau khi ly hôn chị D đồng ý giao cháu Phương L cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng, chị D không cấp dưỡng nuôi con. Chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Chí L, chị D không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh đồng ý.

- Về tài sản chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung vụ án:

Trình tự tố tụng: thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giải quyết vụ án đã được Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trình tự tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 262, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng D.

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Cao Văn M.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Cao Văn M có hai con chung tên Cao Thị Phương L, sinh ngày 11/5/2011 và Cao Văn Chí L, sinh ngày 30/11/2012. Giao cháu Cao Thị Phương L cho anh Cao Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Hồng D không phải cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Cao Văn Chí L cho chị Nguyễn Thị Hồng D chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Cao Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Cao Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Cao Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Hồng D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị D và bị đơn anh M, anh M có nơi cư trú tại ấp Trung Trị, xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn chị D và bị đơn anh M đều có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh M.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh M do mai mối rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 29/12/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh M là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống theo chị D trình bày thì thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 13 năm đến tháng 10 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M thường hay đánh chị không tôn trọng chị, anh M không quan tâm đến chị, vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị D và anh M không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay. Nay chị D yêu cầu ly hôn với anh M, anh M đồng ý nên căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị D và anh M.

Về con chung: Chị D và anh M có hai con chung tên Cao Thị Phương L, sinh ngày 11/5/2011 và Cao Văn Chí L, sinh ngày 30/11/2012. Hiện nay cháu Phương L đang sống chung với anh M, riêng cháu Chí L đang sống chung với chị D. Sau khi ly hôn chị D đồng ý giao cháu Phương L cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng, chị D không cấp dưỡng nuôi con. Chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Chí L, chị D không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con thì anh M đồng ý. Tại bảng khai ý kiến ngày 27/12/2023 của cháu Phương L thì cháu Phương L có nguyện vọng sống với anh M. Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/01/2024 của cháu Chí L thì cháu Chí L có nguyện vọng sống với chị D. Hội đồng xét xử xét ghi nhận sự thỏa thuận của chị D và anh M nên giao cháu Phương L cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Chí L cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị D và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Cao Văn M.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Cao Văn M có hai con chung tên Cao Thị Phương L, sinh ngày 11/5/2011 và Cao Văn Chí L, sinh ngày 30/11/2012. Giao cháu Cao Thị Phương L cho anh Cao Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Hồng D không phải cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Cao Văn Chí L cho chị Nguyễn Thị Hồng D chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Cao Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Cao Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Cao Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà Nguyễn Thị Hồng D đã nộp theo biên lai thu số N⁰0008599, ngày 08/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Nguyễn Thị Hồng D đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Hng;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh